UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ SẢNG MỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:14 /QĐ-UBND	*Sảng Mộc, ngày 10 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tài sản quản lý sử dụng trụ sở làm việc và các tài sản cố định khác xã Sảng Mộc năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SẢNG MỘC

Căn cứ Lật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số: 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151 /2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tài sản năm 2022 của UBND xã Sảng Mộc.

Có biểu mẫu kèm theo

Điều 2. Giao văn phòng UBND và bộ phận kế toán triển khai thực hiện.

Điều 3. Các ông, bà văn phòng HĐND; UBND xã**,** Các chức chuyên môn, kế toán tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Đảng ủy - HĐND - UBND xã;
- Tài chính kế hoạch huyện;
- Lưu VP, KT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ SẢNG MỘC H.VÕ NHAI T.THÁI NGUYÊN

Mai Duy Yến

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên **Mẫu 09a-CK/TSC**
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Võ Nhai
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Sảng Mộc
Mã đơn vị: T55038027
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
I	**Đầu tư xây dựng, mua sắm**		**4**				**3.523.130,00**						
1	**Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**		**4**				**3.523.130,00**						
	Đường bê tông xóm Tân Lập xã Sảng Mộc năm 2021		1			2022	3.084.300,00						
	Đường bê tông xóm Bản Chấu xã Sảng Mộc năm 2021		1			2022	405.600,00						
	Máy tính để bàn		1		Trung Quốc	2022	11.750,00	Mua sắm trực tiếp	HVT				
	Máy tính bảng Sangsung Galaxy Tab S8, Sạc Samsung EP-TA800N		1		Việt Nam	2022	21.480,00	Mua sắm trực tiếp	TGDĐ				

II	**Tài sản giao mới**												
1	**Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**												
III	**Tài sản đi thuê**												
1	**Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**												
IV	**Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)**												
1	**Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**												

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên **Mẫu 09b-CK/TSC**
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Võ Nhai
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Sảng Mộc
Mã đơn vị: T55038027
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m^2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đên thời điểm công khai (m^2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m^2)	Giá trị theo sổ kế toàn (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đên thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m^2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1	Xóm Khuổi Chạo, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên																				
1.1	Nhà văn hóa xóm Khuổi Chạo,Xóm Khuổi Chạo, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2020	120,00	320.000,00	255.968,00	120,00							
2	xóm Bản Chương, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ																				

	Nhai, Tỉnh Thái Nguyên																				
2.1	Nhà văn hóa UBND xã Sảng Mộc,xóm Bản Chương, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2018	1.350,00	3.478.100,00	2.318.153,65						1.350,00		
3	Đất trụ sở UBND xã,Đất trụ sở UBND xã, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên	7.983,50	2.395.050,00	7.983,50																	
4	Xóm Bản Chương, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên																				
4.1	Nhà văn hóa xóm Bản Chương,Xóm Bản Chương, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2018	300,00	280.985,00	187.276,50						300,00		
5	Xóm Nà Ca, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên																				
5.1	Nhà văn hóa xóm Nà Ca, xã Sảng Mộc,Xóm Nà Ca, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2018	300,00	111.945,00	74.611,34						300,00		

6	Xóm Khuổi Mèo, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên																				
6.1	Nhà văn hóa xóm Khuổi Mèo,Xóm Khuổi Mèo, Xã Sảng Mộc, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2020	120,00	320.000,00	255.968,00	120,00							

Mẫu 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2022

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Ô tô**													
II	**Tài sản cố định khác**		**13**	**2.876.603,00**	**1.703.706,00**	**1.172.897,00**	**1.973.953,45**							
	Tài sản trên 500 triệu		**4**	**2.576.801,00**	**1.484.865,00**	**1.091.936,00**	**1.803.760,70**							
1	Đường bê tông xóm Tân Lập	xóm Tân Lập	1	1.018.973,00	594.030,00	424.943,00	713.281,10							
2	Đường bê tông xóm Nghinh Tác	xóm Nghinh Tác	1	512.666,00	296.945,00	215.721,00	358.866,20							
3	Đường bê tông xóm Nà Lay	Xóm Nà Lay	1	524.724,00	296.945,00	227.779,00	367.306,80							
4	Đường bê tông xóm Bản Chương	Xóm Bản Chương	1	520.438,00	296.945,00	223.493,00	364.306,60							
	Tài sản dưới 500 triệu		**9**	**299.802,00**	**218.841,00**	**80.961,00**	**170.192,75**							
1	Cống ngầm đường giao thông xóm Khuổi Chạo		1	153.800,00	143.800,00	10.000,00	107.660,00							
2	Máy tính All in one HP	Nông Quý Dương	1	15.000,00	15.000,00		12.000,00							

3	Máy tính để bản	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	44.970,00		44.970,00	8.994,00							
4	Máy tính xách tây		1	10.250,00	10.250,00		2.050,00							
5	Máy điều hòa nhiệt độ	UBND xã	1	34.791,00	34.791,00		21.744,38							
6	Máy Scan	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	10.000,00		10.000,00	4.000,00							
7	Máy tính xách tay HP Elibook 8570 W	UBND xã	1	15.000,00	15.000,00		6.000,00							
8	Máy in đa Năng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	10.000,00		10.000,00	4.000,00							
9	Tủ tài liệu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	5.991,00		5.991,00	3.744,38							
	Tổng		**13**	**2.876.603,00**	**1.703.706,00**	**1.172.897,00**	**1.973.953,45**							